

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐBT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miễn nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 29/10/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P2+RP3+RC5	7:25	1+14+5	0+0+0		1+9+12	0+0+0	CHUYEN 2 p2-rp3
2		TC3+TD3+P1	7:25	4+14+4	0+0+0		4+13+5	0+0+0	
3		BK5+BK4+TD5	7:25	1+0+20	0+0+0		1+0+21	0+0+0	CHUYEN 1 bk5-bk4
4		RC6+RP3	9:25	8+14	0+0		4+18	0+0	
5		RCDM+RP1	9:25	7+15	0+0		5+17	0+0	
6		VSP02+TD5+TD1	9:25	21+0+0	0+0+0		19+2+1	0+0+0	CHUYEN 2 TD5-TD1
7		RP1+VSP02	11:25	13+9	0+0		12+10	0+0	
8		C10+RC4+RC8	11:25	8+18+4	0+0+0		0+18+4	0+0+0	
9		RP3+RC6	13:25	22+0	0+0		18+4	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ ĐI VỀ TRONG NGÀY rc6-3NG, rp3-3NG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/10/2024	TO: P2 - RP3 - RC5	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HUNG - HTRUNG - TOAN	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGO PHAM THANH HUY	P2	74-75	2	15	5	75	83	KH-THAC	Vietnamese
2	LE THAI SON	RP3	63	1	3	4	70	79	VIEN DK VI	Vietnamese
3	LE THI HONG GIANG	RP3	64	1	12			52	VIEN DK VI	Vietnamese
4	NGUYEN THANH TRUNG	RP3	61	1	6			78	KH-THAC	Vietnamese
5	VOEVODCHENKOV N.V	RP3	56	1	8			101	KH-THAC	Russian
6	PHAM HUU THANG	RP3	58-59	2	13			81	KH-THAC	Vietnamese
7	MAI NGOC THIET	RP3	62	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM QUANG TRUNG	RP3						70	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG VĂN THÀNH	RP3	53	1	9			69	KH-THAC	Vietnamese
10	LUONG QUANG THUONG	RP3	55	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐỖ DUY TIEN	RP3	60	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TAT THANH	RP3	54	1	5			57	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN THANH NAM	RP3	57	1	4			64	KHI	Vietnamese
14	CHAKANOV V.G	RP3	66	1	7			74	KHI	Russian
15	PONOMARENKO E.N	RP3	65	1	7			86	KHI	Russian
16	KURPASOV V.A	RC5	62	1	5			73	KH-THAC	Russian
17	TRINH VAN TIEN	RC5	60	1	6			78	KH-THAC	Vietnamese
18	DUONG MINH KHANH	RC5	58	1	9			59	KH-THAC	Vietnamese
19	LE VAN TRUNG	RC5	61	1	6			86	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAM HOANG TUNG	RC5	59	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P2	1	83	2	15	5	75	1	2	CHUYEN 02 PAX P2 - RP3
2	RP3	14	1.026	14	91	4	70	9		
3	RC5	5	367	5	33	0	0	12		
TOTAL		20	1.476	21	139	9	145	22		
WEIGHT KG			1.476		139		145			

GRAND TOAL: 1.760 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/10/2024	TO: TTC3 - TD3 - P1	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: N.ANH - VTHẮNG - TÚ	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ HỒNG LINH	TTC3	47	1	10			82	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ THANH BÌNH	TTC3	49	1	8			65	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM TRUNG HIẾU	TTC3	50-51	2	21			73	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN VĂN HUY	TTC3	48	1	13	2	27	77	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TRUNG HOÀ	TD3	60	1	10			75	KHOAN	Vietnamese
6	ĐOÀN QUANG BÁC	TD3	53	1	6			69	KHOAN	Vietnamese
7	ĐỖ DUY CHÍNH	TD3	58	1	7			74	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HUY THAI	TD3						75	KHOAN	Vietnamese
9	BUI CÔNG SƠN	TD3	56	1	4			69	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN ANH HÙNG	TD3	55	1	2			69	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ HỒNG VƯƠNG	TD3	59	1	15			70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN HUNG	TD3	54	1	5	1	10	80	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN PHI HUNG	TD3	61	1	4			75	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ ANH XUÂN	TD3	52	1	9			66	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM XUÂN HIẾU	TD3	62	1	2			65	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM HỒNG QUY	TD3	64	1	17			72	DVL	Vietnamese
17	LUONG XUAN DUOC	TD3	63	1	8			70	PSV	Vietnamese
18	PHAN CHÍNH QUY	TD3	57	1	5			70	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN TÚ THẮNG	P1	07	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐẶNG VĂN LUÂN	P1	11,15	2	14			69	T-TIN	Vietnamese
21	LÊ HỮU NGHĨA	P1	10	1	10	3	40	63	T-TIN	Vietnamese
22	PHẠM THANH NHÀ	P1	08-09	2	9			79	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TTC3	4	297	5	52	2	27	4		
2	TD3	14	999	13	94	1	10	13		
3	P1	4	274	6	38	3	40	5		
TOTAL		22	1.570	24	184	6	77	22		
WEIGHT KG			1.570		184		77			

GRAND TOAL: 1.831 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/10/2024	TO: BK5 - BK4 - TD5	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: LINH - N.CƯỜNG -	ETA: 09:30
VANG-1		THÀNH	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN HỮU NGHIÊM	BK5	36	1	4	2	30	58	PSV	Vietnamese
2	NGUYỄN NHƯ Y	TD5	79	1	8	1	20	72	KHOAN	Vietnamese
3	ĐÌNH VĂN SỰ	TD5						80	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ VĂN HIỀN	TD5	74	1	7			78	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM VĂN LUÂN	TD5	75	1	4			60	KHOAN	Vietnamese
6	BUI XUÂN KHOA	TD5	90	1	9			58	KHOAN	Vietnamese
7	VU XUÂN ANH	TD5	84	1	4			60	KHOAN	Vietnamese
8	HỒ SĨ PHỤNG	TD5	78	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ QUANG TIỀN	TD5	83	1	3			60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN HIỀN	TD5	93	1	3			65	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN MINH HIỂU	TD5	76	1	5			82	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TRƯỞNG THIÊN	TD5	91	1	6			84	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU ĐỨC TÂM	TD5	92	1	13			72	KHOAN	Vietnamese
14	PHUNG NGUYỄN NGỌC	TD5	80	1	3			90	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN HUY DŨNG	TD5	86	1	3			82	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ NGỌC LUÂN	TD5	77	1	11			68	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM THANH TÙNG	TD5	87	1	15			95	KHOAN	Vietnamese
18	NGÔ DUY NGỌC	TD5	88	1	14			65	KHOAN	Vietnamese
19	ĐOÀN VĂN KHUU	TD5	85	1	10			60	KHOAN	Vietnamese
20	VU VĂN THIÊN	TD5	89	1	11			62	KHOAN	Vietnamese
21	NINH VĂN SƠN	TD5	81-82	2	14			70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK5	1	58	1	4	2	30	1		CHUYEN 1 KHACH TU BK5 SANG BK4
2	BK4	0	0	0	0	1	20	0		
3	TD5	20	1.428	20	148	1	20	21		
TOTAL		21	1.486	21	152	4	70	22		
WEIGHT KG			1.486		152		70			

GRAND TOAL: 1.708 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/10/2024	TO: RC6 - RP3	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: HUNG - HTRUNG - TOAN	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	KRAMARENKO V.V	RC6	18	1	2			66	KH-THAC	Russian
2	NGUYEN QUANG THANG	RC6						73	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN QUOC KHANH	RC6						75	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐO VAN TUNG	RC6	15	1	2			65	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN NGUYEN XUAN AN	RC6	19-20	2	7			67	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN NGOC LINH	RC6	16	1	6	1	20	79	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG VAN TRUONG	RC6	17	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG VAN PHUONG	RC6	14	1	5			65	PSV	Vietnamese
9	KHONG TIEN DUNG	RP3	63	1	13			78	KHI	Vietnamese
10	HUYNH NGOC BICH	RP3	99	1	9			77	YTE	Vietnamese
11	NGUYEN THI HOA	RP3	3000,600	2	12	4	45	52	VIEN DK V	Vietnamese
12	PHI DUY HOAN	RP3	65	1	6	4	70	74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TU HAI	RP3						70	KH-THAC	Vietnamese
14	TRUONG VAN THUONG	RP3	099	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN PHUOC LOC	RP3	98	1	3			67	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN THANH CONG	RP3	72	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
17	VU THANG	RP3	64	1	11			93	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN TRONG HAI	RP3	97	1	4			83	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN DOAN THANH	RP3	62	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN TIEN	RP3	60	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG XUAN HUNG	RP3						73	KH-THAC	Vietnamese
22	LE DUC HUY	RP3	61	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RC6	8	555	7	27	1	20	4		
2	RP3	14	996	13	80	8	115	18		
TOTAL		22	1.551	20	107	9	135	22		
WEIGHT KG			1.551		107		135			

GRAND TOAL: 1.793 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/10/2024	TO: RCDM - RP1	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: N.ANH - VTHẮNG - TÚ	ETA: 11:45
CAM - 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN DUY HÙNG	RCDM	39-40	2	10			73	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN QUY	RCDM	36	1	8			81	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐÌNH VĂN CÔNG	RCDM	33	1	4			87	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN TRỌNG HIỆU	RCDM	35	1	8	3	50	61	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC TÙNG	RCDM	37-38	2	19			73	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN ANH	RCDM	31-32	2	23			64	CODIEN	Vietnamese
7	PHẠM VĂN HUÂN	RCDM	34	1	4			73	PSV	Vietnamese
8	TSOPANOV ALAN	RP1	88	1	9			102	KH-THAC	Russian
9	KOROGHLUYEV RAMIL	RP1	39	1	6	1	17	77	KH-THAC	Russian
10	TRẦN QUANG TÙNG	RP1	36	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN PHI KHAI HOÀN	RP1	38	1	3			73	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN CÔNG TOÀN	RP1	34	1	6			85	KH-THAC	Vietnamese
13	TAO QUANG NGÂN	RP1				1	10	62	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ MẠNH HÙNG	RP1	32	1	4			83	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN MINH HIỆU	RP1						58	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TÂM	RP1	37	1	8			73	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN BÁC HÀ	RP1	90	1	7			61	KH-THAC	Vietnamese
18	LY XUÂN TRUNG	RP1	33	1	5			65	YTE	Vietnamese
19	TRẦN HOÀNG SANG	RP1	92	1	14			93	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	RP1	35	1	8			92	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM VĂN THUY	RP1	40-41	2	10			63	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐÌNH HỒ	RP1	89	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RCDM	7	512	10	76	3	50	5		
2	RP1	15	1.121	14	92	2	27	17		
TOTAL		22	1.633	24	168	5	77	22		
WEIGHT KG			1.633		168		77			

GRAND TOAL: 1.878 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/10/2024	TO: VSP02 - TD5 - TD1	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:59
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: LINH - N.CU'ONG -	ETA: 11:50
VANG-2		THÀNH	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	YANDYAN E.	VSP02	69-70	2	19			85	KH-THAC	Russian
2	SERGIENKO S.E	VSP02	67	1	6			85	KH-THAC	Russian
3	GURIN V.	VSP02	68	1	6			104	KH-THAC	Russian
4	ĐỖ QUANG HÙNG	VSP02	86-87	2	13			69	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TIẾN HIỆP	VSP02	78	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐÌNH TRƯỞNG PHI	VSP02	85	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
7	NGO ĐỨC CHU	VSP02	66	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH LÊ	VSP02	90	1	3			64	YTE	Vietnamese
9	NGUYỄN LÊ MINH TUÂN	VSP02	80	1	16			100	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM NGỌC THẠCH	VSP02	88	1	8			58	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐỖ VĂN PHÚ	VSP02	76	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN QUỐC CHIẾN	VSP02	94	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN MINH DÂN	VSP02	83	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN THUY	VSP02	81-82	2	13	1	10	65	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM HỮU ĐẠT	VSP02	77	1	7			80	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG NHẬT MINH	VSP02	71-72	2	10			80	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN QUỐC HOÀN	VSP02	75	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN QUANG HÙNG	VSP02	89	1	3	3	35	72	KH-THAC	Vietnamese
19	HOÀNG NGỌC ĐỒNG	VSP02	65	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN MINH TUÂN THỊNH	VSP02	73-74	2	12			103	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM ĐỨC TÀI	VSP02	64	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
22	HỒ BÌNH TRỌNG	VSP02	79	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	VSP02	22	1.651	27	169	4	45	19		
2	TD5	0	0	0	0	0	0	2	✓	CHUYEN 2 PAX TD5-TD1
3	TD1	0	0	0	0	2	35	1		
TOTAL		22	1.651	27	169	6	80	22		
WEIGHT KG			1.651		169		80			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/10/2024	TO: RP1 - VSP02	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: KHOÀN - NPHÚ - THỤ	ETA: 14:00
XANH - 3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN THANH NGỌC	RP1	29	1	14			103	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ ĐỨC THIÊN	RP1	30	1	4			78	KH-THAC	Vietnamese
3	HOÀNG VĂN SỬU	RP1				1	15	78	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN BA QUY	RP1	34	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN THANH CÔNG	RP1						58	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ NGỌC DUNG	RP1	32	1	6			60	KH-THAC	Vietnamese
7	LƯƠNG THẾ HAI	RP1	31	1	13			69	KH-THAC	Vietnamese
8	PHƯƠNG VĂN MINH	RP1	33	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
9	ELTUKOVA TATIANA	RP1	28	1	7			76	NIP	Russian
10	LÊ MINH HOÀN	RP1	67	1	9			77	PSV	Vietnamese
11	TRẦN HIỆP	RP1	01	1	5			76	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN DUY QUYÊN	RP1	02	1	6			71	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG PHƯỢNG	RP1	03	1	5			66	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG TÂN	VSP02	01	1	7			91	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN QUANG	VSP02	02	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGÔ ĐỨC TRI	VSP02	03	1	4	1	20	57	KH-THAC	Vietnamese
17	NGÔ CÔNG HUY	VSP02	96-97	2	15			61	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI MINH QUÂN	VSP02	200	1	11			75	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN CHIẾN THẮNG	VSP02	05	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ XUÂN HUNG	VSP02	04	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
21	NGÔ HUNG HAI	VSP02	98	1	12			76	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP1	13	956	11	78	1	15	12		
2	VSP02	8	571	9	63	1	20	10		
TOTAL		21	1.527	20	141	2	35	22		
WEIGHT KG			1.527		141		35			

GRAND TOAL: 1,703 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Ký lại manifest



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/10/2024	TO: CLO - RC4 - RC8	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:15
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: DUONG - MTHAO - HUY	ETA: 14:05
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHẠM CÔNG NÊN	CLO	29	1	5	2	115	71	KHOAN	Vietnamese
2	VU QUY TRUONG	CLO	24-25	2	18			67	CODIEN	Vietnamese
3	LE VAN THOA	CLO	23	1	12			78	CODIEN	Vietnamese
4	TRAN PHU	CLO	16	1	12			70	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYEN TIEN THANH	CLO	21-22	2	12			62	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYEN HUY HOANG	CLO	26	1	13	2	15	85	CODIEN	Vietnamese
7	LE VAN NINH	CLO	17-18	2	16			75	CODIEN	Vietnamese
8	PHAM VAN MANH	CLO	19-20	2	9			72	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYEN VIET THANH	RC4						74	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG VAN TUNG	RC4	01	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG MINH DUNG	RC4						75	KH-THAC	Vietnamese
12	LE HAI ANH	RC4	91-92	2	18	3	50	73	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG KHÔI NGUYỄN	RC4	89-90	2	25			68	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐÀO QUYẾT THẮNG	RC4	88	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TIEN HUY	RC4	600	1	14			84	KH-THAC	Vietnamese
16	MAI VAN TUONG	RC4	87	1	4			65	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN TIEN TUE	RC8	52	1	15	1	17	67	KH-THAC	Vietnamese
18	HUYNH VAN THUAN	RC8	53	1	9	2	40	68	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN KIEM BAC	RC8	49-50	2	19			72	KH-THAC	Vietnamese
20	LE TIEN QUY	RC8	48	1	5			72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CLO	8	580	12	97	4	130	0		THAO 2 GHE CHO HANG
2	RC4	8	583	8	73	3	50	16		
3	RC8	4	279	5	48	3	57	4		
TOTAL		20	1.442	25	218	10	237	20		
WEIGHT KG			1.442		218		237			

GRAND TOAL: 1.897 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

pc lấy rồi



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/10/2024	TO: RP3 - RC6	AIRCRAFT: 406	ETD: 15:30
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: 6 Việt 1 - Sơn 1 - Tung	ETA: 16:20
DO-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VU THANH LONG	RP3	97-98	2	9			86	KH-THAC	Vietnamese
2	LE DUC OANH	RP3						58	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI DUC THUAN	RP3	93	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG VAN HIEN	RP3	100	1	4			56	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM THE PHONG	RP3	41	1	4			56	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN CONG	RP3	92	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
7	DAO HAI NAM	RP3	85-86	2	20			74	NIPI	Vietnamese
8	NGUYEN THANH HA	RP3	82	1	4	3	52	64	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN VAN VY	RP3	83	1	5			67	PSV	Vietnamese
10	TRAN THANH HAI	RP3	77	1	7			58	PSV	Vietnamese
11	NGUYEN VAN TRUNG (1966)	RP3	91	1	3			65	PSV	Vietnamese
12	TRAN VAN CUNG	RP3	79	1	5			53	PSV	Vietnamese
13	HOANG MINH THIEN	RP3	81	1	5			75	PSV	Vietnamese
14	DO NGOC QUI	RP3	80	1	4			52	PSV	Vietnamese
15	MAI MINH TIEN	RP3	84	1	5			71	PSV	Vietnamese
16	TRAN VAN THUAT	RP3	95-96	2	15			94	DUY LINH	Vietnamese
17	TRAN TRUNG HIEU	RP3	94	1	10			70	DUY LINH	Vietnamese
18	VO QUANG HA	RP3	87	1	11			67	DUY LINH	Vietnamese
19	MAI VAN TRUNG	RP3	78	1	9			53	DUY LINH	Vietnamese
20	PHAM VAN NGUYEN	RP3	88	1	10			77	DUY LINH	Vietnamese
21	VU NGOC TUAN	RP3	89-90	2	12			64	DUY LINH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	21	1.394	24	154	3	52	18		
2	RC6	0	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		21	1.394	24	154	3	52	22		
WEIGHT KG			1.394		154		52			

GRAND TOAL: 1.600 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Lưu VSP